

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

Gói thầu: Gói 02: Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho nhà làm việc của Bộ tại Mễ Trì năm 2025 -2026

Dự toán mua sắm: Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho nhà làm việc của Bộ tại Mễ Trì năm 2025 -2026

Chủ đầu tư/ Bên mời thầu: Cục Quản trị Tài vụ, Bộ Ngoại Giao

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

2. Mục tiêu công việc:

Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho nhà làm việc của Bộ tại Mễ Trì năm 2025 -2026.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Giá trị tài sản mua bảo hiểm:

STT	Tài sản được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm		
		Tổng	Xây lắp	Thiết bị
A	Danh mục tài sản đã mua bảo hiểm cháy nổ	1.938.885.461.417	1.331.033.603.508	607.851.857.909
I	Danh mục tài sản mua bảo hiểm cháy nổ năm 2020	1.721.455.716.786	1.162.781.750.500	558.673.966.286
1	Hầm thoát hiểm (XL-05)	78.335.398.709	72.806.178.173	5.529.220.536
2	Móng, tầng hầm nhà B trái (XL-07)	119.251.783.104	119.251.783.104	
3	Phần thân khu nhà B trái (XL-10)	450.448.597.477	450.448.597.477	
4	Hệ thống cửa vách kính, khung nhôm ngoài nhà (XL-12)	49.139.107.977	49.139.107.977	
5	Lắp đặt nội thất khu vực đối ngoại cho công trình (XL-13) giai đoạn 1	35.006.468.751	29.673.412.683	5.333.056.068
6	02 tuyến cáp trung thế cấp nguồn (XL-16)	6.982.458.127	6.982.458.127	

STT	Tài sản được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm		
		Tổng	Xây lắp	Thiết bị
7	Thiết bị nội thất khu vực văn phòng làm việc (TB-01) giai đoạn 1	7.059.578.960		7.059.578.960
8	Hệ thống điện cho công trình (TB-02)	291.922.528.989	158.827.245.614	133.095.283.375
9	Hệ thống máy phát điện dự phòng, bộ đổi nguồn, bộ lưu điện cho công trình (TB-03) giai đoạn 1	18.306.180.353	4.305.025.909	14.001.154.444
10	Hệ thống cấp thoát nước trong nhà cho công trình (TB-04)	61.777.000.000	32.954.198.377	28.822.801.623
11	Hệ thống chống sét cho công trình (TB-05)	4.667.078.190	4.495.548.190	171.530.000
12	Hệ thống mạng máy tính thông tin liên lạc cho công trình (TB-06)	71.450.209.807	12.127.125.538	59.323.084.269
13	Hệ thống thang máy (TB-07) giai đoạn 1	34.533.120.000	277.525.000	34.255.595.000
14	Hệ thống điều hoà không khí, thông gió (TB-09)	352.274.832.274	138.000.968.916	214.273.863.358
15	Hệ thống thiết bị PCCC, hệ thống báo cháy cho công trình (TB-10) giai đoạn 1	68.535.036.229	49.322.155.221	19.212.881.008
16	Hệ thống truyền thanh nội bộ, âm thanh hình ảnh hội nghị cho công trình (TB-11) giai đoạn 1	20.698.741.222	5.176.622.852	15.522.118.370
17	Thiết bị hệ thống điều khiển toà nhà thông minh iBMS và hệ thống an	40.509.727.050	23.980.779.397	16.528.947.653

STT	Tài sản được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm		
		Tổng	Xây lắp	Thiết bị
	ninh cho công trình (TB-12) giai đoạn I			
18	Hệ thống xử lý nước thải cho công trình (TB-13)	10.557.869.567	5.013.017.945	5.544.851.622
II	Danh mục tài sản mua bảo hiểm cháy nổ bổ sung tại công văn số 07/QLDA-TCKT ngày 06/01/2021	217.429.744.631	168.251.853.008	49.177.891.623
1	Cảnh quan ngoài nhà (XL-15)	35.860.652.438	35.860.652.438	
2	Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (XL-14)	181.569.092.193	132.391.200.570	49.177.891.623
B	Danh mục tài sản mua bảo hiểm cháy nổ bổ sung tại công văn số 41/QLDA-TCKT ngày 25/01/2022	25.973.864.680	2.554.948.386	23.418.916.294
1	Hệ thống điện cho công trình (TB-02)	3.193.707.251	1.780.701.053	1.413.006.198
2	Hệ thống thang máy (TB-07)	15.765.177.000		15.765.177.000
3	Hệ thống điều khiển toà nhà thông minh iBMS và hệ thống an ninh cho công trình (TB-12)	7.014.980.429	774.247.333	6.240.733.096
-	Tổng cộng (A) + (B)	<u>1.964.859.326.097</u>	<u>1.499.285.456.516</u>	<u>657.029.749.532</u>

Lưu ý: Giá trị bảo hiểm và bồi thường là cố định. Nhà thầu cam kết không khấu trừ giá trị tài sản khi bồi thường.

3.2. Yêu cầu nội dung bảo hiểm:

Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (quy tắc đính kèm HSMT) và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng

5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các Điều khoản mở rộng sau:

1. Điều khoản về một phần tòa nhà/công trình xây dựng không tổn hại bị bỏ đi;
2. Điều khoản về giá trị thỏa thuận đối với đồ trang sức/tranh quý (Giới hạn 5.000.000.000 đồng/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm);
3. Điều khoản về thay đổi và sửa chữa;
4. Điều khoản về các hạng mục thuộc tòa nhà;
5. Điều khoản về thiệt hại do dòng điện đốt nóng (giới hạn 5.000.000.000 đồng/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm);
6. Điều khoản về tự động mở thời hạn bảo hiểm 30 ngày (Phí đóng theo tỉ lệ);
7. Điều khoản về vi phạm các điều kiện;
8. Điều khoản về vi phạm các cam kết;
9. Điều khoản về thanh toán bồi thường tạm ứng (Giới hạn 50% giá trị tổn thất);
10. Điều khoản về thay đổi và bổ sung tài sản (Giới hạn 20.000.000.000 đồng khai báo trong vòng 60 ngày);
11. Điều khoản về đồ vỡ kính tấm (Giới hạn 5.000.000.000 đồng/vụ tổn thất và trong suốt thời gian bảo hiểm, mức khấu trừ 30.000.000 VNĐ/vụ tổn thất);
12. Điều khoản về dọn dẹp hiện trường sau tổn thất (Giới hạn: 5.000.000.000 đồng/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm);
13. Điều khoản về chi phí tổ tụng và hạn chế tổn thất (Giới hạn: 2.000.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm);
14. Thông báo tổn thất (Giới hạn trong phạm vi 30 ngày);
15. Điều khoản về bảo hiểm các tài sản khác (Giới hạn 2.000.000.000 đồng/mỗi vụ tổn thất và 5.000.000.000 VNĐ trong thời hạn bảo hiểm);
16. Điều khoản về định giá tài sản (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi vụ tổn thất);
17. Điều khoản giảm nhẹ bảo hiểm dưới giá trị (85%);

18. Điều khoản về công trình phụ ngoại vi (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

19. Điều khoản về tự động bảo hiểm cho các tài sản tăng thêm (Giới hạn: 10% tổng số tiền bảo hiểm, thời gian kê khai trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh và bổ sung phí theo tỷ lệ);

20. Điều khoản tài sản thuộc quyền kiểm soát, trong coi của người được bảo hiểm (Giới hạn: 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng trong toàn bộ thời gian bảo hiểm, đã được kê khai trong số tiền bảo hiểm);

21. Điều khoản về chi phí lắp đặt (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

22. Điều khoản về chi phí soạn thảo lại dữ liệu và chi phí lập hồ sơ bồi thường (Giới hạn: 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

23. Điều khoản về chi phí ghi chép lại dữ liệu (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

24. Điều khoản về chi phí phá hủy, dọn dẹp, bảo vệ tạm thời và lắp hàng rào (Giới hạn: 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

25. Điều khoản về chi phí chữa cháy (Giới hạn: 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

26. Điều khoản về di chuyển nội bộ (10% số tiền bảo hiểm);

27. Điều khoản về chi phí kiến trúc sư, giám định viên, tư vấn, kỹ sư (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ /mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời gian bảo hiểm);

28. Điều khoản nhà chức trách (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

29. Điều khoản về đôi và bộ;

30. Điều khoản về trộm có sử dụng vũ lực và bạo lực khi xâm nhập và tẩu thoát (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

31. Điều khoản về tài sản bên ngoài tòa nhà (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

32. Điều khoản về thiết bị ngoại vi và /hoặc phụ thuộc chưa bị tổn thất (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ /mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

33. Điều khoản về chi phí dọn dẹp hệ thống thoát nước (Giới hạn 5.000.000.000 VNĐ/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời gian bảo hiểm);

34. Điều khoản về đồ vỡ máy móc (Hạn mức: 1.000.000.000 VNĐ/mỗi tổn thất và là tổng giới hạn cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm. Khấu trừ 10% giá trị tổn thất, tối thiểu 400.000.000 đồng/vụ tổn thất);

35. Bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công , gây rối, bạo loạn của quần chúng (Giới hạn 20.000.000.000 VND/mỗi sự cố và tổng cộng cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm);

36. Điều khoản về tự động khôi phục số tiền bảo hiểm;

37. Điều khoản về hệ thống lưu trữ dữ liệu máy tính

38. Điều khoản về tài sản cá nhân của giám đốc và nhân viên (Giới hạn 2.000.000.000 đồng/vụ trong suốt thời hạn bảo hiểm)

39. Điều khoản giá trị khôi phục.

40. Điều khoản về thiết bị phòng cháy chữa cháy

41. Điều khoản cam kết trực bảo vệ 24h

42. Điều khoản loại trừ rủi ro chiến tranh, khủng bố

43. Điều khoản loại trừ các rủi ro liên quan đến công nghệ thông tin

44. Điều khoản loại trừ và giới hạn do bị trừng phạt theo các lệnh cấm vận LMA 3100

45. Điều khoản loại trừ rủi ro an ninh mạng

46. Điều khoản loại trừ đường dây truyền tải và phân phối điện, thông tin liên lạc, vô tuyến viễn thông

47. Điều khoản loại trừ ô nhiễm/nhiễm bẩn

48. Điều khoản loại trừ các rủi ro năng lượng nguyên tử hạt nhân

49. Điều khoản loại trừ rủi ro liên quan đến nhiễm phóng xạ

50. Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm -LMA5394

3.3 Yêu cầu đối với người bảo hiểm:

- Tổ chức hội thảo hướng dẫn đầy đủ, cụ thể ít nhất 01 lần về Quy tắc bảo hiểm, nội dung hợp đồng, các yêu cầu, các thủ tục cần thiết về lập hồ sơ khiếu nại yêu cầu bồi thường tổn thất hay thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm cho Người được bảo hiểm;

- Hướng dẫn Người được bảo hiểm trong việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm và phối hợp với các bên liên quan làm các thủ tục cần thiết khi có tổn thất xảy ra;

- Bồi trí nhân sự giám định tổn thất và giải quyết xử lý tổn thất đến hiện trường trong vòng 04 giờ sau khi nhận được thông báo của Người được bảo hiểm khi có tổn thất xảy ra;

- Bồi thường nhanh kể từ ngày nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ và hợp lệ không quá 20 ngày;

- Trong trường hợp cần thiết, thay mặt Người được bảo hiểm thương lượng với các bên liên quan để giải quyết tổn thất;

- Trường hợp có tổn thất xảy ra có tính chất phức tạp, Người được bảo hiểm quyền đồng ý hoặc lựa chọn đơn vị giám định khác, mọi chi phí cho việc giám định này do Người bảo hiểm chịu trách nhiệm chi trả

- Các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Người bảo hiểm và Người được bảo hiểm.

3.4. Chấm dứt hợp đồng và hoàn phí bảo hiểm:

- Trong trường hợp bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động tại địa điểm được bảo hiểm do chuyển trụ sở, phá dỡ, ngừng sử dụng hoặc lý do khách quan khác, bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

- Bên mua bảo hiểm được hoàn lại phần phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại chưa sử dụng.(Đơn vị tính: ngày)

- Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và cung cấp tài liệu chứng minh lý do chấm dứt hợp đồng tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Việc kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ căn cứ theo yêu cầu E-HSMT, cam kết trong E-HSDT, và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

6. Lưu ý trong vấn đề xếp hạng nhà thầu (khi cùng đạt các yêu cầu của E-HSMT và xếp hạng ngang nhau theo Khoản 18 Điều 140 Nghị định 214/2025/NĐ-CP):

Bên mời thầu sẽ ưu tiên xếp hạng nhà thầu theo thứ tự các Công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ uy tín năm 2025 do Vietnam Report công bố tại liên kết (Trong trường hợp nhà thầu liên danh thì sẽ lấy thứ tự theo thành viên có xếp hạng cao hơn)

<https://toptenvietnam.vn/TopTen/Index/228?year=2025&viewType=undefined>